

**NGHỊ ĐỊNH** của Hội đồng Bộ trưởng số 283-HĐBT ngày 8-8-1990 Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của cơ quan đại diện kinh tế thương mại Việt Nam ở nước ngoài.

### HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Đề góp phần ổn định tổ chức và đưa hoạt động của các cơ quan đại diện kinh tế thương mại Việt Nam ở nước ngoài vào nề nếp;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp,

### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** — Nay ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của cơ quan đại diện kinh tế thương mại Việt Nam ở nước ngoài.

**Điều 2.** — Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các văn bản trước đây về tổ chức và hoạt động của cơ quan thương vụ Việt Nam ở nước ngoài đều bãi bỏ.

**Điều 3.** — Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
VÕ VĂN KIẾT

### QUY CHẾ

Về tổ chức và hoạt động của Cơ quan đại diện kinh tế — thương mại Việt Nam ở nước ngoài.

(Ban hành kèm theo Nghị định số 283 — HĐBT ngày 8-8-1990 của Hội đồng Bộ trưởng)

### Chương I

### CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** — Cơ quan đại diện kinh tế — thương mại Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là Cơ quan đại diện kinh tế thương mại) là cơ quan của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đại diện cho quyền lợi kinh tế — thương mại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước sở tại và do Bộ Thương nghiệp trực tiếp quản lý.

**Điều 2.** — Cơ quan đại diện kinh tế — thương mại được thành lập theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng trên cơ sở các văn bản điều ước quốc tế hoặc các thỏa thuận khác ký giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước sở tại.

**Điều 3.** — Căn cứ theo các văn bản điều ước quốc tế hoặc các thỏa thuận khác ký giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước sở tại, Bộ Thương nghiệp được quyết định thành lập chi nhánh của cơ quan đại diện kinh tế — thương mại ở một số địa phương của nước sở tại.



## Chương II

# NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN KINH TẾ — THƯƠNG MẠI

Điều 4. — Cơ quan đại diện kinh tế — thương mại có những nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu sau đây:

1. Đại diện cho quyền lợi kinh tế — thương mại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước sở tại.

2. Nghiên cứu tình hình kinh tế, thị trường và luật pháp của nước sở tại phục vụ cho việc thúc đẩy các quan hệ kinh tế thương mại giữa Việt Nam và nước sở tại.

3. Quản lý về mặt Nhà nước mọi hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và hợp tác kinh tế của các tổ chức kinh tế Việt Nam với các tổ chức kinh tế nước sở tại.

4. Theo sự ủy quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Bộ Thương nghiệp đàm phán hoặc tham gia đàm phán ký kết các văn bản điều ước về kinh tế — thương mại giữa Việt Nam với nước sở tại.

5. Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các văn bản điều ước về kinh tế — thương mại đã ký giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước sở tại.

6. Kiểm tra và giám sát việc tuân thủ các quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan về lĩnh vực kinh tế — thương mại đối với cán bộ của các ngành và địa phương trong nước được cử sang hoạt động về lĩnh vực kinh tế — thương mại ở nước sở tại.

7. Hàng quý báo cáo với Bộ Thương nghiệp về các mặt công tác theo nhiệm vụ được giao và kiến nghị những vấn đề cần giải quyết (nếu có) để mở rộng và tăng cường phát triển quan hệ kinh

tế — thương mại giữa Việt Nam và nước sở tại.

8. Quản lý cán bộ, công nhân viên công tác tại Cơ quan đại diện kinh tế — thương mại theo chế độ chung của Nhà nước.

9. Thực hiện những công tác khác có liên quan đến lĩnh vực kinh tế — thương mại khi được Chính phủ hoặc Bộ Thương nghiệp giao.

Điều 5. — Tên gọi của Cơ quan đại diện kinh tế — thương mại và chức danh những người làm việc trong cơ quan đại diện kinh tế thương mại được quy định như sau:

1. Căn cứ vào mối quan hệ về kinh tế thương mại và thỏa thuận giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Sở tại, Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định tên gọi của Cơ quan đại diện kinh tế thương mại và chức danh những người làm việc trong cơ quan đại diện kinh tế thương mại ở từng nước.

2. Phù hợp với tên gọi của cơ quan đại diện kinh tế thương mại ở từng nước cụ thể, chức danh người đứng đầu cơ quan đại diện kinh tế — thương mại có thể là:

- a) Đại diện kinh tế — thương mại.
- b) Tham tán kinh tế — thương mại.
- c) Chuyên viên kinh tế — thương mại.

3. Chức danh những người khác làm việc trong Cơ quan đại diện kinh tế thương mại, tương ứng với chức danh người đứng đầu cơ quan đại diện kinh tế — thương mại ở từng nước, có thể là:

- a) Phó Đại diện kinh tế — thương mại.
- b) Chuyên viên kinh tế thương mại phụ trách từng lĩnh vực đông tác cụ thể.
- c) Nhân viên hành chính, kỹ thuật.



4. Đối với các nước có thỏa thuận riêng với Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vấn đề này khác với quy định trên, thì chức danh người đứng đầu cơ quan đại diện kinh tế thương mại và chức danh những người khác tương ứng tuân theo sự thỏa thuận đó.

5. Người đứng đầu cơ quan đại diện kinh tế thương mại do cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đó trong nước quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm.

6. Những người khác làm việc trong cơ quan đại diện kinh tế thương mại do Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm.

7. Nhiệm kỳ công tác của người đứng đầu cơ quan đại diện kinh tế — thương mại và những người khác làm việc trong cơ quan đại diện kinh tế — thương mại được quy định không quá 4 năm.

Điều 6. — Trụ sở làm việc và các cơ sở vật chất khác cũng như kinh phí bảo đảm cho hoạt động của cơ quan đại diện kinh tế — thương mại do ngân sách Nhà nước cấp.

### Chương III

## ĐẠI DIỆN CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 7. — Các tổ chức kinh tế Việt Nam được Nhà nước cho phép trực tiếp xuất nhập khẩu hoặc hợp tác kinh tế với nước ngoài (dưới đây gọi tắt là các tổ chức kinh tế) nếu có nhu cầu công tác và quý ngoại tệ bảo đảm thì có thể đề nghị Bộ Thương nghiệp xét cho cử đại diện thường trú của mình ở nước sở tại.

Điều 8. — Đại diện thường trú các tổ chức kinh tế là người đại diện cho quyền lợi của chính tổ chức kinh tế đó trong quan hệ kinh tế thương mại với các tổ

chức hữu quan nước sở tại, và không thuộc biên chế của cơ quan đại diện kinh tế thương mại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước sở tại.

Điều 9. — Theo đề nghị của tổ chức kinh tế nói ở điều 7 và căn cứ quan hệ kinh tế thương mại và mức độ cần thiết phải có đại diện thường trú của tổ chức kinh tế ở nước sở tại, Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp xem xét và chấp thuận việc các tổ chức kinh tế cử đại diện thường trú của mình công tác ở từng nước.

Điều 10. — Trên cơ sở chấp thuận của Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp, Đại diện thường trú tổ chức kinh tế do Giám đốc tổ chức kinh tế đó quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Điều 11. — Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại diện tổ chức kinh tế được quy định như sau :

1. Đại diện cho quyền lợi của chính tổ chức kinh tế Việt Nam về các vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh tế thương mại với các tổ chức hữu quan nước Sở tại.

2. Thúc đẩy quan hệ kinh tế — thương mại giữa tổ chức kinh tế Việt Nam với các tổ chức hữu quan nước sở tại.

3. Theo sự ủy quyền hoặc phân công của Giám đốc tổ chức kinh tế đàm phán hoặc tham gia đàm phán để ký kết các hợp đồng mua bán ngoại thương hoặc các hợp đồng hợp tác kinh tế với các tổ chức hữu quan nước sở tại.

4. Theo dõi đơn đốc việc thực hiện các hợp đồng mua bán ngoại thương và hoặc các hợp đồng hợp tác kinh tế đã ký kết với các tổ chức hữu quan nước sở tại.

5. Thực hiện những công tác khác có liên quan do Giám đốc tổ chức kinh tế giao.

Điều 12. — Trụ sở làm việc và các cơ sở vật chất khác cũng như kinh phí bảo



đảm cho hoạt động của đại diện các tổ chức kinh tế ở nước ngoài do các tổ chức kinh tế tự lo liệu, hạch toán vào vốn sản xuất, kinh doanh của tổ chức kinh tế đó.

**Điều 13.** — Trong trường hợp tổ chức kinh tế không đủ điều kiện để cử đại diện thường trú của mình ở nước sở tại, tổ chức kinh tế đó có thể ủy nhiệm cho cơ quan đại diện kinh tế thương mại, hoặc cho đại diện thường trú một tổ chức kinh tế khác của Việt Nam ở nước đó thực hiện chức năng đại diện cho tổ chức kinh tế của mình theo các điều kiện do 2 bên thỏa thuận phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### Chương IV

### MỘT SỐ NGUYÊN TẮC CHÍNH TRONG QUAN HỆ CÔNG TÁC

**Điều 14.** — Quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan đại diện kinh tế thương mại với các cơ quan Nhà nước được quy định như sau:

1. Người đứng đầu cơ quan đại diện kinh tế — thương mại chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp về mặt hành chính và nghiệp vụ chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp và chịu sự chỉ đạo về mặt chính trị, đối ngoại của người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước sở tại.

2. Người đứng đầu cơ quan đại diện kinh tế thương mại chịu trách nhiệm trước Nhà nước và Bộ Thương nghiệp về mọi quyết định của mình.

3. Các đoàn của các ngành, các địa phương trong nước sang công tác ở nước

sở tại, về lĩnh vực kinh tế — thương mại chịu sự kiểm tra và giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn của người đứng đầu cơ quan đại diện kinh tế — thương mại của nước ta ở nước đó.

**Điều 15.** — Quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan đại diện kinh tế thương mại với đại diện các tổ chức kinh tế được quy định như sau:

1. Đại diện tổ chức kinh tế chịu sự quản lý Nhà nước về mặt kinh tế đối ngoại của người đứng đầu cơ quan đại diện kinh tế — thương mại, đồng thời chịu sự quản lý và chỉ đạo trực tiếp về mặt hành chính và nghiệp vụ chuyên môn của Giám đốc tổ chức kinh tế mà mình là đại diện.

2. Giám đốc tổ chức kinh tế là người chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chủ quản và Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp về mọi sự chỉ đạo nghiệp vụ của mình đối với đại diện ở nước ngoài.

3. Trong trường hợp sự chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn của Giám đốc tổ chức kinh tế hoặc việc thực hiện của đại diện tổ chức kinh tế không phù hợp với chủ trương và luật pháp của Nhà nước về quan hệ kinh tế với nước sở tại, người đứng đầu cơ quan đại diện kinh tế thương mại có trách nhiệm báo cáo ngay về Bộ Thương nghiệp và Đại sứ Việt Nam tại đó; đồng thời tạm đình chỉ việc thực hiện của người đại diện tổ chức kinh tế cho đến khi có quyết định của Bộ Thương nghiệp.

4. Đại diện tổ chức kinh tế phải tuân thủ sự chỉ đạo tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan đại diện kinh tế — thương mại, đồng thời phải báo cáo ngay với Giám đốc tổ chức kinh tế về việc đã thực hiện theo sự chỉ đạo đó.

## Chương V

## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. — Quy chế này có hiệu lực từ ngày ban hành. Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp chịu trách nhiệm giải thích, hướng dẫn thi hành bản Quy chế này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
VÕ VĂN KIẾT

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

**QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội  
đồng Bộ trưởng số 294-CT ngày  
14-8-1990 về việc thành lập  
Liên đoàn cầu lông Việt Nam.**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

Căn cứ Chỉ thị số 1-CT ngày 5 tháng 1 năm 1989 về việc quản lý tổ chức và hoạt động của các Hội quần chúng;

Xét đề nghị của Ban vận động thành lập Liên đoàn cầu lông Việt Nam và ý kiến của Bộ Văn hóa — Thông tin — Thể thao và Du lịch,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Cho phép thành lập Liên đoàn cầu lông Việt Nam.

Liên đoàn cầu lông Việt Nam tự lo liệu mọi chi phí và phương tiện hoạt động.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng  
Phó Chủ tịch  
NGUYỄN KHÁNH

**QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội  
đồng Bộ trưởng số 299-CT ngày  
18-8-1990 cho phép thành lập  
Hội Điện lực Việt Nam.**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

Căn cứ chỉ thị số 1-CT ngày 5 tháng 1 năm 1989 về việc quản lý tổ chức và hoạt động của các Hội quần chúng;

Xét đề nghị của Ban vận động thành lập Hội Điện lực Việt Nam và ý kiến của Bộ Năng lượng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Cho phép thành lập Hội Điện lực Việt Nam.

Hội Điện lực Việt Nam tự lo liệu mọi chi phí và phương tiện hoạt động.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng  
Phó Chủ tịch  
NGUYỄN KHÁNH

**QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng  
Bộ trưởng số 317-CT ngày 1-9-  
1990 về chấn chỉnh quản lý  
tiền lương, tiền thưởng trong  
các cơ sở kinh tế quốc doanh.**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

Đề tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý tiền lương, tiền thưởng của các cơ sở kinh tế quốc doanh nhằm vừa bảo đảm quyền tự chủ của xí nghiệp, vừa bảo đảm chức năng quản lý thống nhất